

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 92/2022/DS-ST

Ngày: 09-9- 2022

“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan.

Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung-
Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên
tòa:** Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 416/2020/TLST- DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 912/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng ĐC

Địa chỉ: 22 phố N, phường T, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông N guyễn Đ – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện: Ông N guyễn TN- Chức vụ: Phó Giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản (theo văn bản ủy quyền số 2866/UQ-PVB ngày 15/3/2019).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông N guyễn NT, sinh năm 1990- chuyên viên tố tụng Ngân hàng ĐC; Địa chỉ: phường 14, quận 3, TP. Hồ Chí Minh (Văn bản uỷ quyền ngày 19/01/2021)

- Bị đơn: Ông Phạm Hữu N, sinh năm 1976

Địa chỉ: B10, tổ 9, khu phố 2, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Ông N T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông N tuyên bố:

Ngân hàng ĐC đã cho ông Phạm Hữu N vay tiền cụ thể như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 3509/2017/HĐTD/PVB-CN.BHA ngày 20/9/2017, khế ước 3509/KUNN ngày 20/9/2017, số tiền 1.200.000.000 đồng; ngày giải ngân: 20/9/2017; lãi suất 8,49%/năm; thời hạn vay: 36 tháng; mục đích vay: hoàn vốn mua xe ô tô.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là chiếc xe ô tô con hiệu Audi, loại Q7 3.0 TFSI QUATTRO, 07 chỗ ngồi, màu nâu, biển kiểm soát 60A-046.47; Số khung: WAUZZZ4LXCD-019395; Số máy: CJT047644; được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ô tô số 3509/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.BHA ngày 20/9/2017 và đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 20/9/2017 theo quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông N mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 455.941.142 đồng, lãi 97.753.318 đồng, tổng cộng 553.694.460 đồng. (Thời điểm trả nợ cuối cùng của ông Phạm Hữu N là ngày 10/01/2019). Dư nợ của khoản vay tính đến ngày 09/9/2022 là 1.281.504.813 đồng, trong đó: nợ gốc: 744.058.858 đồng; nợ lãi: 537.445.955 đồng.

- Theo Hợp đồng tín dụng số 4709/2017/HĐTD/PVB-CN.BHA ngày 27/9/2017, khế ước 4709/KUNN ngày 28/9/2017, số tiền 684.000.000 đồng; ngày giải ngân: 28/9/2017; lãi suất 7,3%/năm; thời hạn vay: 36 tháng; mục đích vay: bù đắp mua xe ô tô.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là chiếc xe ô tô con hiệu Audi, loại Q 520T, 05 chỗ ngồi, màu trắng, biển kiểm soát 60A-409.81; Số khung: C8R9AA089754; Số máy: CDN112216; được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ô tô số 4709/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.BHA ngày 27/9/2017 và đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 27/9/2017 theo quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông N mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 285.000.000 đồng, lãi 70.637.016 đồng, tổng cộng là 355.637.016 đồng. (Thời điểm trả nợ cuối cùng của ông Phạm Hữu N là ngày 10/01/2019). Dư nợ của khoản vay tính đến ngày 09/9/2022 là 681.230.917 đồng, trong đó: nợ gốc: 399.000.000 đồng; nợ lãi: 282.230.917 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông N đã thanh toán cho Ngân hàng là 909.331.476 đồng, trong đó: Gốc 740.941.142 đồng, lãi 168.390.334 đồng.

Tính đến ngày 09/9/2022, ông N còn nợ Ngân hàng tiền nợ gốc 1.143.058.858 đồng, nợ lãi 819.676.872 đồng; tổng cộng: 1.962.735.730 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ, ông N đã không thực hiện trả nợ như cam kết, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh

nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của ông N.

Nay Ngân hàng ĐC khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với ông Phạm Hữu N:

1. Buộc ông Phạm Hữu N phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng nêu trên với tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/9/2022 là 1.962.735.730 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 1.143.058.858 đồng, nợ lãi 819.676.872 đồng.

2. Buộc ông Phạm Hữu N phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn đã được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 3509/2017/HĐTD/PVB-CN.BHA ngày 20/9/2017 và Hợp đồng cho vay số 4709/2017/HĐTD/PVB-CN.BHA ngày 27/9/2017 kể từ ngày 09/9/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phạm Hữu N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi quá hạn phát sinh thì Ngân hàng ĐC có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên phát mãi tài sản đảm bảo là:

- Xe ô tô con hiệu Audi, loại Q7 3.0 TFSI QUATTRO, 07 chỗ ngồi, màu nâu, biển kiểm soát 60A-046.47; Số khung: WAUZZZ4LXCD-019395; Số máy: CJT047644 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025250 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/9/2017 (đăng ký lần đầu ngày 16/5/2012) cho ông Phạm Hữu N.

- Xe ô tô con hiệu Audi, loại Q 52OT, 05 chỗ ngồi, màu trắng, biển kiểm soát 60A-409.81; Số khung: C8R9AA089754; Số máy: CDN112216; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040268 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17/8/2017 (đăng ký lần đầu ngày 08/7/2010) cho ông Phạm Hữu N.

4. Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Phạm Hữu N đối với Ngân hàng ĐC. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Phạm Hữu N tại Ngân hàng ĐC thì ông N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng ĐC.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Hữu N vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng ĐC đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71

Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Hữu không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng ĐC.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng ĐC đối với bị đơn ông Phạm Hữu N cư trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng tín dụng” và vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Hữu N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc:

Hợp đồng tín dụng số 3509/2017/HĐTD/PVB-CN.BHA ngày 20/9/2017 và Hợp đồng tín dụng số 4709/2017/HĐTD/PVB-CN.BHA ngày 27/9/2017 giữa Ngân hàng ĐC và ông Phạm Hữu N được các bên tự nguyện ký kết, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015 nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn **cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp**, có cơ sở xác định, ngày 20/9/2017, Ngân hàng ĐC đã cho ông N vay số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) được giải ngân ngày 20/9/2017 với lãi suất 8,49%/năm; thời hạn vay: 36 tháng; mục đích vay là để hoàn vốn mua xe ô tô và ngày 27/9/2017, Ngân hàng ĐC đã cho ông N vay số tiền vay số tiền 684.000.000 đồng, được giải ngân ngày 28/9/2017 với lãi suất 7,3%/năm; thời hạn vay: 36 tháng; mục đích vay là để bù đắp mua xe ô tô. Quá trình vay ông N đã thanh toán cho ngân hàng cả tiền gốc và lãi của hai hợp đồng trên là 909.331.476 đồng trong đó số tiền gốc là 740.941.142 đồng, số tiền lãi là 168.390.334 đồng. Tính đến ngày 09/9/2022, ông N còn nợ Ngân hàng tiền nợ gốc 1.143.058.858 đồng, nợ lãi 819.676.872 đồng; tổng cộng: 1.962.735.730 đồng. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng thu hồi nợ trước hạn đối với khoản nợ gốc còn lại chưa thanh toán là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng. Bị đơn ông Phạm Hữu N đã

được Tòa án triệu tập hợp lệ và **niêm yết giấy triệu tập, thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử**, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông N vẫn vắng mặt và **không cung cấp lời khai, chứng cứ phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**, cho thấy bị đơn đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh đã thanh toán khoản nợ còn lại cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 1.143.058.858 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi ba triệu không trăm năm mươi tám nghìn tám trăm năm mươi tám đồng) theo các hợp đồng tín dụng trên là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

Về yêu cầu thanh toán các khoản lãi: Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông N phải trả tổng số tiền lãi tính đến ngày 09/9/2022 là 819.676.872 đồng, cụ thể như sau: Khoản lãi của Hợp đồng tín dụng số 3509/2017/HĐTD/PVB-CN.BHA ngày 20/9/2017 là 537.445.955 đồng (bao gồm: 96.626.294 đồng lãi trong hạn, 390.865.166 đồng lãi quá hạn và 49.954.495 đồng lãi phạt) và khoản lãi của Hợp đồng tín dụng số 4709/2017/HĐTD/PVB-CN.BHA ngày 27/9/2017 là 282.230.917 đồng (bao gồm: 46.034.640 đồng lãi trong hạn, 205.134.878 đồng lãi quá hạn và 31.061.400 đồng lãi phạt). Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận của các đương sự tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số 3509/2017/HĐTD/PVB-CN.BHA ngày 20/9/2017 và Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số 4709/2017/HĐTD/PVB-CN.BHA ngày 27/9/2017 và các Bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng kèm theo các Hợp đồng này, phù hợp với Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và lãi ông Phạm Hữu N phải thanh toán cho Ngân hàng ĐC tạm tính đến hết ngày 09/9/2022 là: 1.962.735.730 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 1.143.058.858 đồng, nợ lãi 819.676.872 đồng.

Ông Phạm Hữu N còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh từ ngày 10/9/2022 đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3509/2017/HĐTD/PVB-CN.BHA ngày 20/9/2017 và Hợp đồng tín dụng số 4709/2017/HĐTD/PVB-CN.BHA ngày 27/9/2017 trên số tiền và thời gian chậm trả.

Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp:

Hợp đồng thế chấp ô tô số 3509/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.BHA ngày 20/9/2017 và Hợp đồng thế chấp ô tô số 4709/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.BHA ngày 27/9/2017 giữa Ngân hàng ĐC và ông Phạm Hữu N được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô con hiệu Audi, loại Q7 3.0 TFSI QUATTRO, 07 chỗ ngồi, màu nâu, biển kiểm soát 60A-046.47; Số khung: WAUZZZ4LXCD-019395; Số máy: CJT047644 đã được Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Đồng Nai

cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025250 ngày 08/9/2017 (đăng ký lần đầu ngày 16/5/2012) cho ông Phạm Hữu N và xe ô tô con hiệu Audi, loại Q 52OT, 05 chỗ ngồi, màu trắng, biêm kiểm soát 60A-409.81; Số khung: C8R9AA089754; Số máy: CDN112216 đã được Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040268 ngày 17/8/2017 (đăng ký lần đầu ngày 08/7/2010) cho ông Phạm Hữu N là tài sản hợp pháp của ông Phạm Hữu N được đăng ký bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành với bên thứ ba. Do đó trường hợp ông N không thanh toán đủ các khoản tiền nợ của các Hợp đồng tín dụng trên thì Ngân hàng ĐC có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là trên để thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cân trừ nghĩa vụ trả nợ của ông Phạm Hữu N đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Phạm Hữu N tại Ngân hàng ĐC thì ông N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ. Trường hợp, ông N thanh toán đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng ĐC phải trả lại giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông N inh.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 155, 157 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Phạm Hữu N phải nộp 1.000.000đ (Một triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng ĐC đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên ông N phải hoàn lại số tiền này cho ngân hàng.

Về án phí: Ông Phạm Hữu N phải nộp số tiền án phí sơ thẩm 36.000.000đ + (3% x 1.162.735.730 đồng) = 70.882.071 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm tám mươi hai nghìn không trăm bảy mươi một đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 155, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ĐC đối với ông Phạm Hữu N về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Phạm Hữu N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng ĐC tổng số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 3509/2017/HĐTD/PVB-CN.BHA ngày 20/9/2017 và Hợp đồng tín dụng số 4709/2017/HĐTD/PVB-CN.BHA ngày 27/9/2017 là: 1.962.735.730 đồng (một tỷ chín trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi đồng), trong đó nợ gốc: 1.143.058.858 đồng, nợ lãi tạm tính đến hết ngày 09/9/2022 là 819.676.872 đồng.

Ông Phạm Hữu N phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3509/2017/HĐTD/PVB-CN.BHA ngày 20/9/2017 và Hợp đồng tín dụng số 4709/2017/HĐTD/PVB-CN.BHA ngày 27/9/2017 kể từ ngày 10/9/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp, ông Phạm Hữu N thanh toán đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng ĐC trả lại giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phạm Hữu N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi quá hạn phát sinh thì Ngân hàng ĐC có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thi hành bản án kê biên phát mãi tài sản đảm bảo là:

- Xe ô tô con hiệu Audi, loại Q7 3.0 TFSI QUATTRO, 07 chỗ ngồi, màu nâu, biển kiểm soát 60A-046.47; Số khung: WAUZZZ4LXCD-019395; Số máy: CJT047644 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025250 ngày 08/9/2017 (đăng ký lần đầu ngày 16/5/2012) cho ông Phạm Hữu N, **đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 20/9/2017.**

- Xe ô tô con hiệu Audi, loại Q 52OT, 05 chỗ ngồi, màu trắng, biển kiểm soát 60A-409.81; Số khung: C8R9AA089754; Số máy: CDN112216; do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040268 ngày 17/8/2017 (đăng ký lần đầu ngày 08/7/2010) cho ông Phạm Hữu N, **đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 27/9/2017.**

Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Phạm Hữu đối với Ngân hàng ĐC. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Phạm Hữu N tại Ngân hàng ĐC thì ông N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng ĐC.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông Phạm Hữu N phải hoàn trả số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng ĐC.

3. Về Án phí: ông Phạm Hữu N phải **nộp 70.882.071 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm tám mươi hai nghìn không trăm bảy mươi một đồng) án phí dân sự sơ**

thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng ĐC số tiền 26.530.000đ (hai mươi sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009109 ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp. Biên Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tám

